Ký bởi: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
Cơ quan: Tỉnh Tuyên Quang
Thời gian ký: 16/05/2023 20:12:50

ỦY BAN NHÂN DÂN **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /TTr-UBND **"Dự thảo"**	*Tuyên Quang, ngày tháng 5 năm 2023*

TỜ TRÌNH

Dự thảo Nghị quyết quy định mức hỗ trợ thực hiện dự án phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị; dự án phát triển sản xuất cộng đồng thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang, giai đoạn 2021 - 2025

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang.

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020.

Thực hiện Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia.

Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh dự thảo Nghị quyết quy định mức hỗ trợ thực hiện dự án phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị; dự án phát triển sản xuất cộng đồng thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang, giai đoạn 2021 - 2025, cụ thể như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT

Để tổ chức triển khai đồng bộ, thống nhất, có hiệu quả trong việc hỗ trợ các dự án phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị; dự án phát triển sản xuất cộng đồng thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia, giai đoạn 2021 - 2025, Nghị quyết số 30/2022/NQ-HĐND ngày 10/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh và ban hành chính sách quy định cụ thể mức hỗ trợ tại điểm a, khoản 5, Điều 21, điểm a, khoản 5, Điều 22 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

Với lí do nêu trên thì việc tham mưu xây dựng, trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết quy định mức hỗ trợ thực hiện dự án phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị; dự án phát triển sản xuất cộng đồng thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang, giai đoạn 2021 - 2025 là đúng quy định và cần thiết.

II. CĂN CỨ SOẠN THẢO VÀ BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT

1. Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

2. Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

3. Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24 tháng 11 năm 2017;

4. Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

5. Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia;

6. Căn cứ Thông tư số 15/2022/TT-BTC ngày 04 tháng 3 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;

7. Căn cứ Thông tư số 09/2022/TT-BLĐTBXH ngày 25 tháng 5 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn một số nội dung thực hiện đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo và hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025;

8. Căn cứ Thông tư số 04/2022/TT-BNNPTNT ngày 11 tháng 7 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn thực hiện hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025;

9. Căn cứ Thông tư số 05/2022/TT-BNNPTNT ngày 25 tháng 7 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn một số nội dung thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

10. Căn cứ Thông tư số 46/2022/TT-BTC ngày 28 tháng 7 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025;

11. Căn cứ Thông tư số 53/2022/TT-BTC ngày 12 tháng 8 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý sử dụng kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025;

12. Căn cứ Nghị quyết số 30/2022/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang quy định nội dung hỗ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất, lựa chọn đơn vị đặt hàng trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang, giai đoạn 2021 - 2025;

13. Căn cứ Nghị quyết số 32/2022/NQ-HĐND ngày 10/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định mức hỗ trợ nguồn kinh phí sự nghiệp từ ngân sách nhà nước thực hiện một số nhiệm vụ chi thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025.

III. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT

1. Mục đích

Nhằm cụ thể hóa nội dung, quy định mức hỗ trợ tại điểm a, khoản 5, Điều 21, điểm a, khoản 5, Điều 22 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022. Đồng thời tạo sự thống nhất, đồng bộ trong việc hỗ trợ, quản lý, giám sát các hoạt động phát triển sản xuất thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Tuyên quang, giai đoạn 2021 - 2025.

2. Quan điểm

Việc xây dựng Nghị quyết đảm bảo tuân thủ theo các quy định tại Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2020; Luật Ngân sách Nhà nước; Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ về quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia; hướng dẫn của các cơ quan chủ quản Chương trình (các Bộ, cơ quan Trung ương được Thủ tướng Chính phủ giao mục tiêu, nhiệm vụ và kế hoạch vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia) và các quy định của pháp luật có liên quan.

Đảm bảo phù hợp với thực tiễn địa phương; có nghiên cứu kế thừa, phát huy những kết quả đạt được của giai đoạn 2016 - 2020, khắc phục những tồn tại, hạn chế; bám sát các định hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2021 - 2025 của tỉnh.

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA NGHỊ QUYẾT

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Nghị quyết này quy định mức hỗ trợ thực hiện dự án, kế hoạch (sau đây gọi chung là dự án) phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị và mức hỗ trợ thực hiện dự án, phương án (sau đây gọi chung là dự án) sản xuất cộng đồng thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang, giai đoạn 2021 - 2025.

2. Những nội dung không được quy định tại Nghị quyết này thực hiện theo các quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Nghị quyết này áp dụng đối với các tổ chức, cộng đồng, hộ gia đình, cá nhân (hộ gia đình, cá nhân sau đây gọi chung là hộ gia đình) tham gia hoặc có liên quan trong quản lý, tổ chức thực hiện hỗ trợ thực hiện dự án phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị, dự án phát triển sản xuất cộng đồng thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang trong giai đoạn 2021 - 2025.

Điều 3. Mức hỗ trợ

1. Hỗ trợ dự án phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị: Mức hỗ trợ tối đa không quá 3.000,0 triệu đồng/dự án liên kết được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Hỗ trợ dự án phát triển sản xuất cộng đồng: Mức hỗ trợ tối đa không quá 600,0 triệu đồng/dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Định mức hỗ trợ tối đa đối với hộ gia đình tham gia dự án: Hộ nghèo 20,0 triệu đồng/hộ; hộ cận nghèo 16,0 triệu đồng/hộ; hộ mới thoát nghèo 12,0 triệu đồng/hộ; hộ khác 8,0 triệu đồng/hộ. Mức hỗ trợ trong một dự án đảm bảo hộ khác không vượt quá hộ mới thoát nghèo, hộ mới thoát nghèo không vượt quá hộ cận nghèo, hộ cận nghèo không vượt quá hộ nghèo.

Điều 4. Mẫu hồ sơ; trình tự thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị và hỗ trợ dự án, phương án sản xuất cộng đồng thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang, giai đoạn 2021 - 2025 thực hiện theo Nghị quyết số 30/2022/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang quy định nội dung hỗ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất, lựa chọn đơn vị đặt hàng trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang, giai đoạn 2021 - 2025 và theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 5. Nguồn kinh phí thực hiện

1. Nguồn kinh phí sự nghiệp thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

2. Nguồn kinh phí từ các chương trình, dự án hợp pháp khác.

3. Nguồn kinh phí đóng góp khác của các tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật.

Điều 6. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này theo đúng quy định của pháp luật.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh, các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 7. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang Khóa XIX, Kỳ họp thứ ..... thông qua ngày ..... tháng 7 năm 2023 và có hiệu lực từ ngày ..... tháng ..... năm 2023.

Trên đây là Tờ trình dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức hỗ trợ thực hiện dự án phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị; dự án phát triển sản xuất cộng đồng thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang, giai đoạn 2021 - 2025 Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các Sở: Nông nghiệp và PTNT, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Tư pháp, Lao động, Thương binh và Xã hội;
- Ban Dân tộc tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- Lưu: VT, KT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN